

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Ông Đinh Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D; Sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc H; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2022 cũng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 29/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc K, sinh ngày 30/01/2018. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Phạm Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 29/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc K, sinh ngày 30/01/2018. Ly hôn, anh cũng đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Ngọc H được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 30/01/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Ngọc H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 29/3/2016 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhưng đến cuối năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Việc này, cả chị D và anh H đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị D và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ

điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Ngọc H được ly hôn.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị D và anh H đều chính đáng. Tuy nhiên, cháu K đang còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Trong khi, anh H làm việc ở Phú Thọ, không tiện cho việc trực tiếp chăm sóc con, còn chị D làm công nhân tại huyện Thạch Thành. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

[4]. Về tài sản: Chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Ngọc H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc K, sinh ngày 30/01/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007901, ngày 15/12/2022. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Ngọc H. Chị D và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc